

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN THẾ KỶ
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
QUÝ I NĂM 2020

Tháng 4 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN THỂ KÝ

Tầng 1, Tòa B Sky City, Số 88 Láng Hạ, Phường Láng Hạ
Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	7 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bất động sản Thế kỷ (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho quý 1 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Trung Vũ	Chủ tịch
Ông Phạm Thanh Hưng	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Vui	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Hoàng Oanh	Ủy viên
Ông Nguyễn Thọ Tuyển	Ủy viên (từ nhiệm ngày 02 tháng 3 năm 2020)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Chu Hữu Chiến	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 02 tháng 3 năm 2020)
Ông Nguyễn Thọ Tuyển	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 02 tháng 3 năm 2020)
Bà Nguyễn Thị Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Hương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Minh Hôi	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Quỳnh Mai	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 02 tháng 3 năm 2020)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho quý 1 năm 2020, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc.



Chu Hữu Chiên
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 04 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,185,085,862,475	1,435,481,895,023
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	53,528,901,481	125,819,376,543
1. Tiền	111		34,643,467,767	73,879,129,953
2. Các khoản tương đương tiền	112		18,885,433,714	51,940,246,590
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		986,996,274,574	1,173,079,332,537
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	686,826,327,686	696,706,158,679
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	3,518,547,846	1,220,490,584
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	179,500,000,000	164,500,000,000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	123,523,012,107	317,024,296,339
7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	10	(6,371,613,065)	(6,371,613,065)
IV. Hàng tồn kho	140	11	143,438,768,187	135,237,368,109
1. Hàng tồn kho	141		143,438,768,187	135,237,368,109
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1,121,918,233	1,345,817,834
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	1,121,918,233	1,345,817,834
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1,167,485,435,068	907,599,966,642
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		914,162,193,029	652,381,057,429
6. Phải thu dài hạn khác	216	9	914,162,193,029	652,381,057,429
II. Tài sản cố định	220		153,561,097,177	148,766,303,009
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	145,249,636,617	140,390,464,647
- Nguyên giá	222		165,834,780,811	158,287,225,661
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(20,585,144,194)	(17,896,761,014)
3. Tài sản cố định vô hình	227	14	8,311,460,560	8,375,838,362
- Nguyên giá	228		9,344,387,658	9,344,387,658
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1,032,927,098)	(968,549,296)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		30,704,340,916	37,648,390,955
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	30,704,340,916	37,648,390,955
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	50,520,000,000	50,520,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		50,520,000,000	50,520,000,000
VI. Tài sản dài hạn khác	260	12	18,537,803,946	18,284,215,249
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		18,537,803,946	18,284,215,249
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2,352,571,297,543	2,343,081,861,665

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		561,502,983,689	580,664,205,100
I. Nợ ngắn hạn	310		558,939,117,594	577,387,339,005
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	112,752,871,479	98,804,314,618
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	20,680,140,254	19,235,801,317
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	18	133,395,314,215	109,519,614,310
4. Phải trả người lao động	314		37,402,392,185	74,180,726,145
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1,690,598,020	688,947,570
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1,926,577,927	270,242,313
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	157,829,353,526	161,334,316,281
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	49,745,126,674	82,727,415,533
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		43,516,743,314	30,625,960,918
II. Nợ dài hạn	330		2,563,866,095	3,276,866,095
7. Phải trả dài hạn khác	337	19	2,563,866,095	3,276,866,095
- Phải trả dài hạn khác (1388)	337B			
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1,791,068,313,854	1,762,417,656,565
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	1,791,068,313,854	1,762,417,656,565
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		800,000,000,000	800,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		800,000,000,000	800,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		150,000,000,000	150,000,000,000
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(1,080,000)	(1,080,000)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		64,310,531,382	64,310,531,382
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		776,758,862,472	748,108,205,183
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		729,567,422,787	377,292,557,267
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		47,191,439,685	370,815,647,916
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2,352,571,297,543	2,343,081,861,665


Trần Thị Nhung
Người lập biểu


Lê Thị Lan
Kế toán trưởng




Chu Hữu Chiến
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 04 năm 2020

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ 1 NĂM 2020

Đơn vị: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 1	
			Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	21	246,211,594,336	336,549,614,713
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		4,952,054,545	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		241,259,539,791	336,549,614,713
4. Giá vốn hàng bán	11	22	157,624,620,775	212,505,744,587
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		83,634,919,016	124,043,870,126
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		4,674,609,669	62,986,740
7. Chi phí tài chính	22		1,845,831,676	4,263,369,863
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1,845,831,676	4,263,369,863
8. Chi phí bán hàng	25	23	9,114,560,795	23,299,734
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	18,634,051,330	24,041,740,890
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		58,715,084,884	95,778,446,379
11. Thu nhập khác	31		453,268,303	1,656,037
12. Chi phí khác	32		143,242,865	158,224,714
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		310,025,438	(156,568,677)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		59,025,110,322	95,621,877,702
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	11,833,670,637	19,189,483,549
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		47,191,439,685	76,432,394,153


Trần Thị Nhung
Người lập biểu


Lê Thị Lan
Kế toán trưởng



Chu Hữu Chiến
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 04 năm 2020


Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ QUÝ 1 NĂM 2020

Đơn vị: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 1	
			Năm 2020	Năm 2019
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		59,025,110,322	95,621,877,702
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	2		2,390,603,199	1,914,294,018
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(4,588,779,254)	(62,986,740)
- Chi phí lãi vay	6		1,845,831,676	4,263,369,863
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		58,672,765,943	101,736,554,843
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		(60,698,077,637)	(319,508,911,546)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(8,201,400,078)	(183,460,491,620)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		13,279,441,628	56,445,520,496
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(29,689,096)	(6,638,755,337)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1,845,831,676)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(11,292,044,817)	(43,925,076,467)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(18,743,129,724)	(1,500,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(28,857,965,457)	(395,352,659,631)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(39,000,000)	(3,429,766,702)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(55,000,000,000)	
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		40,000,000,000	
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4,588,779,254	62,986,740
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(10,450,220,746)	(3,366,779,962)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			(1,080,000)
2. Tiền thu từ đi vay	33		11,817,711,141	205,000,000,000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(44,800,000,000)	(28,000,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(32,982,288,859)	176,998,920,000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(72,290,475,062)	(221,720,519,593)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		125,819,376,543	274,788,860,733
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		53,528,901,481	53,068,341,140


Trần Thị Nhung
Người lập biểu


Lê Thị Lan
Kế toán trưởng


Chu Hữu Chiên
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 04 năm 2020

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bất động sản Thể kỷ hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Kinh doanh số 0101160306 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 20 tháng 8 năm 2001, thay đổi lần thứ 18 ngày 17 tháng 3 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 1, Tòa B Sky City, Số 88 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Tư vấn, môi giới bất động sản;
- Kinh doanh bất động sản, mua bán vật liệu xây dựng;
- Đầu tư, tư vấn, môi giới các dịch vụ tài chính;
- Môi giới thương mại; và
- Dịch vụ quản lý bất động sản.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty và các công ty con được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có 04 công ty con. Thông tin khái quát về các công ty con của Công ty như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và lợi ích %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty con				
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất động sản Ngôi Sao Toàn Cầu	Hà Nội	51.00%	51.00%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; tư vấn, môi giới, quản lý, quảng cáo bất động sản
Công ty Cổ phần Truyền thông và Giải trí Ngôi Sao Mới	Hà Nội	80.00%	80.00%	Cung cấp dịch vụ khai thác giá trị gia tăng trên mạng internet, quảng cáo, tổ chức giới thiệu xúc tiến thương mại, nghiên cứu thị trường
Công ty Cổ phần Bất động sản Cen Sài Gòn	Tp. Hồ Chí Minh	80.00%	80.00%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; tư vấn, môi giới, quản lý, quảng cáo bất động sản
Công ty Cổ phần M&I Thể Kỳ	Hà Nội	51.00%	51.00%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; tư vấn, môi giới, quản lý, quảng cáo bất động sản

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được lập cho quý 1 năm 2020

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho của Công ty phản ánh giá trị các hàng hóa bất động sản hình thành từ các dự án kinh doanh bất động sản do Công ty mua lại từ các chủ đầu tư, các hàng hóa bất động sản này sẽ được bán dưới hình thức chuyển giao quyền sở hữu cho người mua. Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp để có được hàng hóa bất động sản ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm nay (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	30
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và các tài sản cố định vô hình khác. Các tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính là từ 3 đến 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu

hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước chủ yếu bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa văn phòng, và chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN THẾ KỶ

Tầng 1, Tòa B Sky City, Số 88 Láng Hạ, Phường
Láng Hạ, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội,
CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 03a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN**Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Tiền mặt	8,942,484,788	1,939,489,447
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	25,700,982,979	71,939,640,506
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	18,885,433,714	51,940,246,590
	53,528,901,481	125,819,376,543

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc	Dư phòng	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Dư phòng	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	50,520,000,000	-	50,520,000,000	50,520,000,000	-	50,520,000,000
Công ty Cổ phần Bất động sản Ngôi sao Toàn Cầu	25,500,000,000	-	25,500,000,000	25,500,000,000	-	25,500,000,000
Công ty Cổ phần Bất động sản Cen Sài Gòn	16,000,000,000	-	16,000,000,000	16,000,000,000	-	16,000,000,000
Công ty Cổ phần Truyền thông và Giải trí Ngôi sao	8,000,000,000	-	8,000,000,000	8,000,000,000	-	8,000,000,000
Công ty cổ phần M&I Thế Kỷ	1,020,000,000	-	1,020,000,000	1,020,000,000	-	1,020,000,000

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tình hình hoạt động của các công ty con trong quý 1 năm 2020 như sau:

Công ty con	Kỳ này	Kỳ trước
	Công ty Cổ phần Bất động sản Ngôi sao Toàn Cầu	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần Bất động sản Cen Sài Gòn	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
Công ty Cổ phần Truyền thông và Giải trí Ngôi sao mới	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty cổ phần M&I Thế Kỷ	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ

Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các Công ty con trong kỳ được trình bày tại Thuyết minh số 30.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Công ty Cổ phần Bất Động Sản Belleville Hà Nội	15,313,321,369	15,423,949,805
Công ty cổ phần Hồng Lam Xuân Thành	34,208,637,721	50,493,352,293
Công ty Cổ phần Bất động sản Galaxy Land	150,020,458,157	154,476,270,156
Công ty Cổ phần Bitexco	38,435,060,105	44,155,189,652
Công ty Cổ phần Tập đoàn Phúc Sơn	22,373,972,812	22,373,972,812
Công Ty Cổ Phần VMF	37,611,492,087	39,284,199,789
Công ty Cổ phần Khai Sơn	12,955,649,694	1,341,973,394
Công ty TNHH Gamuda Land Việt Nam(ST5)	18,135,600,520	32,387,685,058
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển bất động sản Thế Kỷ	190,597,045,945	155,256,087,945
Công ty cổ phần dịch vụ Bất Động Sản Ngôi Sao Toàn Cầu	93,246,183,007	86,177,802,141
Các khoản phải thu khách hàng khác	73,928,906,269	95,335,675,634
	686,826,327,686	696,706,158,679
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 30)	286,237,051,636	242,491,702,892

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Công ty Cổ Phần VMF	113,000,000,000	113,000,000,000
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển bất động sản Thể Kỳ	45,000,000,000	30,000,000,000
Công ty cổ phần tư vấn thiết kế và đầu tư xây dựng Đại Nam Sơn	11,500,000,000	11,500,000,000
Công ty cổ phần dịch vụ Bất Động Sản Ngôi Sao Toàn Cầu	10,000,000,000	
Công ty cổ phần BĐS Cen Sài Gòn		10,000,000,000
	179,500,000,000	164,500,000,000
Phải thu cho vay là các bên liên quan) (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 30)	55,000,000,000	40,000,000,000

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Công ty cổ phần CONSGROUP	1,650,604,905	
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển Victory	688,960,000	242,587,400
Công ty TNHH Xây dựng Vietnamarch	497,100,000	
Công ty Cổ phần Phát triển cảnh quan Babylon	237,323,900	223,364,900
Các đối tượng khác	444,559,041	754,538,284
	3,518,547,846	1,220,490,584

9. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Công ty TNHH Nam Hồng	13,075,577,952	24,866,804,508
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Anh (i)	50,607,631,825	62,225,124,126
Công ty Cổ phần Phát triển đầu tư Hà Nội Sunrise		50,527,654
Công ty Cổ phần phát triển nhà Bình Minh		200,000,000,000
Tạm ứng cho nhân viên (ii)	54,054,502,006	24,061,589,327
Phải thu khác	5,785,300,324	5,820,250,724
	123,523,012,107	317,024,296,339

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN THẾ KỶ

Tầng 1, Tòa B Sky City, Số 88 Láng Hạ, Phường
Láng Hạ, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội,
CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 03a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

b. Dài hạn

Kỳ quỹ, kỳ cược (iii)	914,162,193,029	652,381,057,429
<i>Trong đó:</i>		
- Tiền đảm bảo làm tổng đại lý phân phối các dự án	911,481,922,212	647,521,756,394
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Thế kỷ	768,000,000,000	499,800,000,000
+ Công ty TNHH Gamuda Land Vietnam	28,142,922,212	28,142,922,212
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ khách sạn Soleil	22,550,000,000	22,550,000,000
+ Công ty Cổ phần Khai Sơn	4,500,000,000	9,600,000,000
+ Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Đầu tư Xây dựng Đại Nam Sơn	7,500,000,000	7,500,000,000
+ Công ty Cổ phần Veracity	6,300,000,000	6,300,000,000
Công ty CP Constrexim số 1 (Confitech)	1,000,000,000	
+ Công ty Cổ phần Bitexco	50,000,000,000	50,000,000,000
+ Các đối tượng khác	23,489,000,000	23,628,834,182
- Kỳ cược, kỳ quỹ khác	2,680,270,817	4,859,301,035
	914,162,193,029	652,381,057,429
Phải thu khác là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 30)	768,000,000,000	499,800,000,000

- (i) Phản ánh giá trị tiền góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh Dự án đầu tư xây dựng khu thể thao, trường học, công trình công cộng, khu đô thị phường Đồng Kỵ ký ngày 31 tháng 5 năm 2018 giữa Công ty và Công ty TNHH Nam Hồng. Theo điều khoản Hợp đồng hợp tác kinh doanh, Công ty sẽ hợp tác góp vốn cùng Công ty TNHH Nam Hồng để triển khai các thủ tục pháp lý, đầu tư, xây dựng và kinh doanh đối với các sản phẩm bất động sản của Dự án. Công ty TNHH Nam Hồng chịu trách nhiệm thực hiện và chịu mọi chi phí đối với toàn bộ công tác triển khai, xây dựng Dự án; Công ty sẽ chịu trách nhiệm góp vốn bằng tiền để bảo đảm tài chính cho Công ty TNHH Nam Hồng thực hiện các công việc triển khai Dự án, đồng thời Công ty được quyền chỉ định đơn vị bán hàng đối với toàn bộ sản phẩm bất động sản của phần Dự án hợp tác với mức chi phí bán hàng đã bao gồm thuế giá trị gia tăng là 5% tính trên doanh thu bán bất động sản của phần Dự án hợp tác.

Doanh thu thu được từ phần Dự án hợp tác sau khi trừ 5% chi phí bán hàng sẽ được phân chia cho các bên theo tỷ lệ 70-30. Công ty TNHH Nam Hồng chịu trách nhiệm đối với tất cả các khoản chi phí khác của phần Dự án hợp tác ngoài chi phí bán hàng phân bổ cho các bên. Ngoài khoản tiền góp vốn và chi phí bán hàng phân bổ, Công ty không phải chịu thêm bất kỳ khoản tiền chi phí nào khác.

Theo thỏa thuận ngày 22 tháng 11 năm 2018 giữa Công ty và Công ty TNHH Nam Hồng, Công ty TNHH Nam Hồng đồng ý để Công ty mua lại toàn bộ sản phẩm Dự án. Đối với 277 lô đất chưa bán đã có sổ, Công ty TNHH Nam Hồng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất và sang tên sổ đỏ cho Công ty, tiến độ thực hiện thủ tục sang tên sổ đỏ cho Công ty phù hợp với tiến độ thanh toán của Công ty. Đối với 67 lô phải xây nhà trên đất, Công ty TNHH Nam Hồng ký hợp đồng chuyển nhượng nhà hình thành trong tương lai cho Công ty, và khi Công ty xây dựng xong nhà sẽ làm thủ tục cấp sổ cho Công ty hoặc Công ty TNHH Nam Hồng ký văn bản chuyển nhượng cho khách hàng trong trường hợp Công ty bán lại khi chưa xây dựng xong. Công ty TNHH Nam Hồng đồng ý giao cho Công ty thi công phần cây xanh (đã bao gồm công viên) và vỉa hè. Tiền thanh toán của 2 hạng mục này sẽ trừ vào tiền thanh toán của Công ty đối với Công ty TNHH Nam Hồng vào đợt thanh toán cuối.

- (ii) Phản ánh giá trị tiền góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh Dự án xây dựng làng Việt kiều quốc tế tại phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng ký ngày 23 tháng 5 năm 2018 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Anh. Theo điều khoản

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN THẾ KỶ

Tầng 1, Tòa B Sky City, Số 88 Láng Hạ, Phường
Láng Hạ, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội,
CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 03a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Hợp đồng hợp tác kinh doanh, Công ty sẽ hợp tác góp vốn cùng Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Anh để đầu tư triển khai các thủ tục pháp lý của Dự án, thi công hạ tầng và xây thô theo quy hoạch được phê duyệt và kinh doanh đối với 45 lô đất thuộc Dự án ("phần Dự án hợp tác"). Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Anh chịu trách nhiệm đối với toàn bộ công tác triển khai, xây dựng dự án; Công ty sẽ chịu trách nhiệm góp vốn bằng tiền và chịu trách nhiệm đối với công tác bán toàn bộ sản phẩm bất động sản của phần Dự án hợp tác. Khoản tiền góp vốn này sẽ được Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Anh hoàn trả cho Công ty hoặc Công ty khấu trừ, thu hồi bằng cách giữ lại khoản tiền thanh toán từ các khách hàng mua sản phẩm của Dự án này.

Doanh thu bán hàng tương ứng với giá trị quyền sử dụng đất của các lô đất tính theo đơn giá 25 triệu VND/m² thuộc về Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Anh, phần doanh thu bán hàng tính từ đơn giá 25 triệu VND/m² đến đơn giá bán thực tế trừ đi chi phí xây dựng nhà sẽ được coi là doanh thu của Công ty, đồng thời Công ty chịu các khoản chi phí liên quan đến công tác bán hàng và chi phí xây dựng nhà thuộc phần Dự án hợp tác.

- (iii) Phản ánh các khoản tạm ứng cho nhân viên để thực hiện các dự án của Công ty.
(iv) Chủ yếu bao gồm các khoản tiền đặt cọc đảm bảo thực hiện hợp đồng mà Công ty đã trả cho các chủ đầu tư, để thực hiện vai trò tổng đại lý phân phối sản phẩm bất động sản hình thành từ các dự án.

10. NỢ XẤU

Đối tượng	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu khó có khả năng thu hồi	6.371.613.065	-	6.371.613.065	-
a) Quá hạn trên 3 năm				
Công ty TNHH Địa ốc Gia Phú	5.391.000.324	-	5.391.000.324	-
Công ty TNHH Giải pháp và Công nghệ An Thịnh	384.300.000	-	384.300.000	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tây Hồ	106.244.294	-	106.244.294	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Thăng Long	60.615.000	-	60.615.000	-
b) Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm				
Công ty Cổ phần TID	343.870.941	-	343.870.941	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội	39.683.691	-	39.683.691	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt	45.898.815	-	45.898.815	-

Giá trị có thể thu hồi được xác định bằng giá gốc các khoản phải thu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

11. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng hóa bất động sản (i)	120,200,936,960	-	134,236,820,986	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	23,237,831,227	-	1,000,547,123	-
Cộng	143,438,768,187	-	135,237,368,109	-

- (i) Phản ánh giá trị các bất động sản bao gồm các căn hộ, đất nền Công ty mua từ chủ đầu tư để thực hiện kinh doanh bán lại.

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ	1,121,918,233	315,286,089
Chi phí sửa chữa văn phòng		131,789,342
Chi phí thuê văn phòng		898,742,403
	1,121,918,233	1,345,817,834
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ	2,426,759,917	2,456,384,391
Chi phí sửa chữa văn phòng	16,111,044,029	15,743,678,244
Chi phí trả trước dài hạn khác		84,152,614
	18,537,803,946	18,284,215,249

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<u>Nhà cửa và vật kiến trúc</u> VND	<u>Phương tiện vận tải</u> VND	<u>Thiết bị văn phòng</u> VND	<u>Tổng cộng</u> VND
NGUYÊN GIÁ				
Số đầu kỳ	111,344,953,976	33,750,924,184	13,191,347,501	158,287,225,661
Mua sắm mới	7,338,771,150		208,784,000	7,547,555,150
Giảm khác				-
Số cuối kỳ	118,683,725,126	33,750,924,184	13,400,131,501	165,834,780,811
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số đầu kỳ	3,782,922,836	10,018,259,647	4,095,578,531	17,896,761,014
Trích khấu hao trong kỳ	888,921,828	919,499,172	879,962,180	2,688,383,180
Giảm khác				-
Số cuối kỳ	4,671,844,664	10,937,758,819	4,975,540,711	20,585,144,194
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số cuối kỳ	114,011,880,462	22,813,165,365	8,424,590,790	145,249,636,617
Số đầu kỳ	107,562,031,140	23,732,664,537	9,095,768,970	140,390,464,647

Tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 03 năm 2020 bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 2.931.116.488 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 2.931.116.488 đồng).

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số đầu kỳ	8,096,485,616	873,174,769	374,727,273	9,344,387,658
Mua sắm mới	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-
Số cuối kỳ	8,096,485,616	873,174,769	374,727,273	9,344,387,658
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số đầu kỳ	-	668,955,440	299,593,856	968,549,296
Trích khấu hao trong kỳ	-	34,895,400	29,482,402	64,377,802
Tăng khác	-	-	-	-
Số cuối kỳ	-	703,850,840	329,076,258	1,032,927,098
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số cuối kỳ	8,096,485,616	169,323,929	45,651,015	8,311,460,560
Số đầu kỳ	8,096,485,616	204,219,329	75,133,417	8,375,838,362

Tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 03 năm 2020 bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 114.760.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 58.500.000 đồng).

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
- Mua sắm (i)	30,704,340,916	30,704,340,916
- Xây dựng cơ bản (ii)	-	6,944,050,039
	30,704,340,916	37,648,390,955

- (i) Phản ánh giá trị của phần mềm quản lý Công ty đang xây dựng để đưa vào sử dụng trong thời gian tới.
- (ii) Phản ánh giá trị bất động sản mua về để hình thành tài sản cố định trong tương lai, nhằm phục vụ làm văn phòng làm việc và sản thương mại.

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN THẾ KỶTầng 1, Tòa B Sky City, Số 88 Láng Hạ, Phường
Láng Hạ, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội,
CHXHCN Việt Nam**MẪU SỐ B 03a-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND	VND	VND	VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty cổ phần dịch vụ Bất Động Sản Ngôi Sao Toàn Cầu	86,537,578,097	86,537,578,097	68,114,482,824	68,114,482,824
Công ty Cổ phần Truyền thông và Giải trí Ngôi Sao Mới	11,020,779,675	11,020,779,675	14,054,380,711	14,054,380,711
Công ty cổ phần BĐS Cen Sài Gòn	2,112,520,517	2,112,520,517	2,135,526,303	2,135,526,303
Công ty cổ phần Bất động sản Galaxy Land	3,854,213,690	3,854,213,690	3,089,023,296	3,089,023,296
Công ty CP dịch vụ gia tăng Bất động sản Thế Kỷ	398,247,286	398,247,286	6,954,065	6,954,065
Công ty cổ phần tập đoàn Thế Kỷ	549,536,780	549,536,780	1,076,862,480	1,076,862,480
Các đối tượng khác	8,279,995,434	8,279,995,434	10,327,084,939	10,327,084,939
	112,752,871,479	112,752,871,479	98,804,314,618	98,804,314,618
Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 30)	101,019,197,180	101,019,197,180	87,830,049,708	87,830,049,708

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Công ty cổ phần đầu tư bất động sản Mỹ Đình	9,572,124,801	9,572,124,801
Công Ty CP Hồng Hạc Đại Lải	3,107,079,549	2,211,042,867
Công ty TNHH SE ADD	4,424,200,000	4,424,200,000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Thành Công Vinh Phúc	2,422,000,000	2,222,000,000
Các đối tượng khác	1,154,735,904	806,433,649
	20,680,140,254	19,235,801,317

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chi tiêu	Phát sinh trong kỳ			
	Số đầu kỳ	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	13,584,365,937	15,580,505,324	2,558,653,111	26,606,218,150
Thuế thu nhập doanh nghiệp	57,114,404,402	11,833,670,637	11,292,044,817	57,656,030,222
Thuế thu nhập cá nhân	38,820,843,971	11,412,016,733	1,099,794,861	49,133,065,843
Các loại thuế khác	-	21,000,000	21,000,000	-
Cộng	109,519,614,310	38,847,192,694	14,971,492,789	133,395,314,215

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	9,894,158	9,894,158
Tiền đặt cọc mua căn hộ (i)	154,140,968,115	155,859,112,218
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1,694,864,303	1,349,013,750
Phải trả nhà thầu thi công hộ	582,192,089	4,023,996,155
Phải trả khác	1,401,434,861	92,300,000
	<u>157,829,353,526</u>	<u>161,334,316,281</u>
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2,563,866,095	3,276,866,095
	<u>2,563,866,095</u>	<u>3,276,866,095</u>

- (i) Phản ánh số tiền đặt cọc mua căn hộ, liền kề, biệt thự... của các khách hàng tại các dự án do Công ty phân phối.

20. VAY NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN

Chi tiêu	Số đầu kỳ		Phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ
		VND				VND
Vay ngắn hạn	82,727,415,533	82,727,415,533	11,817,711,141	44,800,000,000	49,745,126,674	49,745,126,674
Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	82,727,415,533	82,727,415,533	11,817,711,141	44,800,000,000	49,745,126,674	49,745,126,674

Chi tiết các khoản vay bao gồm:

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Vay ngắn hạn	49,745,126,674	82,727,415,533
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội		30,000,000,000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở chính		14,800,000,000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Hà (i)	49,745,126,674	37,927,415,533

- (i) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Hà số 02/2019/352851/HĐTD ngày 23 tháng 10 năm 2019 với hạn mức 50.000.000.000 đồng được sử dụng để bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời gian vay là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay là 7,8%/năm, cố định trong suốt thời gian vay. Tài sản đảm bảo của khoản vay là các tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Thể kỷ và Công ty và Công ty Cổ phần Bất động sản Galaxy Land, cụ thể:

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN THẾ KỶ

Tầng 1, Tòa B Sky City, Số 88 Láng Hạ, Phường
Láng Hạ, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội,
CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 03a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

- Quyền sử dụng đất và sàn dịch vụ thương mại tầng 1 và tầng 2, sàn dịch vụ thương mại SH - 41, SH - 43 tại ô đất H - CT2, Khu nhà ở Hi Brand, Khu đô thị mới Văn Phú, phường Phú La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
- Căn hộ chung cư số B0607 tại tòa B, tòa nhà Tổ hợp Sky City Tower 88 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Kỳ hoạt động kết thúc ngày 31/03/2019						
Số dư đầu kỳ trước	500,000,000,000	375,000,000,000		34,610,103,952	502,783,283,898	1,412,393,387,850
Phát hành cổ phiếu	300,000,000,000	(225,000,000,000)	-	-	(75,000,000,000)	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	76,432,394,153	76,432,394,153
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-
	-	-	(1,080,000)	-	-	(1,080,000)
Số dư cuối kỳ trước	800,000,000,000	150,000,000,000	(1,080,000)	34,610,103,952	504,215,678,051	1,488,824,702,003
Kỳ hoạt động kết thúc ngày 31/3/2020						
Số dư đầu kỳ này	800,000,000,000	150,000,000,000	(1,080,000)	64,310,531,382	748,108,205,183	1,762,417,656,565
Phát hành cổ phiếu						-
Lợi nhuận trong kỳ					47,191,439,685	47,191,439,685
Trích lập các quỹ						-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi					(18,540,782,396)	(18,540,782,396)
Chi tiền mua cổ phiếu						-
Số dư cuối kỳ này	800,000,000,000	150,000,000,000	(1,080,000)	64,310,531,382	776,758,862,472	1,791,068,313,854

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 18 ngày 17 tháng 03 năm 2020, vốn điều lệ của Công ty là 800 tỷ đồng.

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	246,211,594,336	336,549,614,713
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu môi giới bất động sản	194,311,795,249	280,659,168,359
Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	46,610,537,504	52,472,847,995
Doanh thu cho thuê văn phòng và khác	5,289,261,583	3,417,598,359
	246,211,594,336	336,549,614,713

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN THẾ KỶ

Tầng 1, Tòa B Sky City, Số 88 Láng Hạ, Phường
Láng Hạ, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội,
CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 03a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Các khoản giảm trừ doanh thu	4,952,054,545	
Giảm trừ Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	4,952,054,545	
	4,952,054,545	
Doanh thu phát sinh trong kỳ với các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 30)	72,051,190,088	131,556,746,121
23. GIÁ VỐN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Giá vốn môi giới bất động sản	135,794,998,882	177,260,072,667
Giá vốn chuyển nhượng bất động sản	20,829,074,770	34,254,812,575
Giá vốn cho thuê văn phòng và khác	1,000,547,123	990,859,345
	157,624,620,775	212,505,744,587
24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP		
	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí quảng cáo, khuyến mại	6,781,272,666	
Các khoản chi phí bán hàng khác	2,333,288,129	23,299,734
	9,114,560,795	23,299,734
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3,114,861,366	977,072,771
Chi phí nhân công	7,388,545,892	10,881,353,081
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2,574,871,452	1,649,668,467
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4,769,887,611	2,498,952,051
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	785,885,009	8,034,694,520
	18,634,051,330	24,041,740,890
25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	434,486,384	62,986,740
Lãi cho vay	4,240,123,285	
	4,674,609,669	62,986,740

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

26. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
Chi phí lãi vay	1,845,831,676	4,263,369,863
	1,845,831,676	4,263,369,863

27. THU NHẬP KHÁC

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
Thu phạt cọc vi phạm hợp đồng	250,001,824	
Các khoản khác	203,266,479	1,656,037
	453,268,303	1,656,037

28. CHI PHÍ KHÁC

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
Khấu hao tài sản cố định	143,222,862	158,224,714
Các khoản bị phạt do hủy đặt cọc dự án		
Phạt chậm nộp, chậm kê khai thuế		
Các khoản khác	20,003	
	143,242,865	158,224,714

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
Lợi nhuận trước thuế	59,025,110,322	95,621,877,702
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	143,242,863	325,540,045
Thu nhập chịu thuế	59,168,353,185	95,947,417,747
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	11,833,670,637	19,189,483,549
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	11,833,670,637	19,189,483,549

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thế kỷ	Công ty mẹ của Công ty
Công ty Cổ phần Bất động sản Ngôi sao Toàn Cầu	Công ty con
Công ty Cổ phần Bất động sản Cen Sài Gòn	Công ty con
Công ty Cổ phần Truyền thông và Giải trí Ngôi sao mới	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Gia tăng Bất động sản Thế kỷ	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Thế Kỷ	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Golf và Lữ hành Thế kỷ	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Thẩm định giá Thế kỷ	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Dolphin 2 Việt Nam	Cùng tập đoàn

và các thành viên thuộc Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và người liên quan

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN THỂ KỶTầng 1, Tòa B Sky City, Số 88 Láng Hạ, Phường
Láng Hạ, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội,
CHXHCN Việt Nam**MẪU SỐ B 03a-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Bất động sản Ngôi sao Toàn Cầu	22,525,092,237	20,140,520,345
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Thể kỷ	47,822,312,699	109,118,831,016
Công ty Cổ phần Dịch vụ Gia tăng Bất động sản Thể kỷ		349,431,188
Công ty Cổ phần Bất động sản Cen Sài Gòn	82,552,927	
Công ty Cổ phần Thẩm định giá Thể kỷ	178,904,373	405,589,770
Công ty Cổ phần Truyền thông và Giải trí Ngôi sao mới	10,000,000	77,000,000
Công ty cổ phần Dolphin 2 Việt Nam	1,432,327,852	1,465,373,802
	72,051,190,088	131,556,746,121

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
Giá trị hàng mua và dịch vụ cung cấp		
Công ty Cổ phần Bất động sản Ngôi sao Toàn Cầu	57,511,124,430	42,008,721,434
Công ty Cổ phần Bất động sản Cen Sài Gòn	1,037,689,656	4,590,955,869
Công ty Cổ phần Truyền thông và Giải trí Ngôi sao mới	11,567,394,484	11,392,495,976
Công ty Cổ phần Dịch vụ Golf và Lữ hành Thể kỷ	94,132,550	43,747,271
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thể kỷ	749,368,635	3,784,030,897
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Thể kỷ		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Gia tăng Bất động sản Thể kỷ	355,721,111	717,015,971
Công ty Cổ phần Dolphin 2 Việt Nam		
	71,315,430,866	62,536,967,418

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Thể kỷ	190,597,045,945	155,256,087,945
Công ty Cổ phần Bất động sản Ngôi sao Toàn Cầu	93,246,183,007	86,177,802,141
Công ty Cổ phần Thẩm định giá Thể Kỷ	128,140,657	109,908,599
Công ty Cổ phần Dịch vụ Gia tăng Bất động sản Thể kỷ	6,534,000	6,534,000
Công ty Cổ phần Dolphin 2 Việt Nam	1,519,626,523	139,424,046
Công ty Cổ phần Bất động sản Cen Sài Gòn	120,000,000	193,424,657
Công ty Cổ phần Truyền thông và Giải trí Ngôi sao mới	619,521,504	608,521,504
	286,237,051,636	242,491,702,892

Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Bất động sản Cen Sài Gòn		10,000,000,000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Thể kỷ	45,000,000,000	30,000,000,000
Công ty Cổ phần Bất động sản Ngôi sao Toàn Cầu	10,000,000,000	
	55,000,000,000	40,000,000,000

Phải thu khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Thể kỷ	768,000,000,000	499,800,000,000
Công ty cổ phần Dolphin 2 Việt Nam		
	768,000,000,000	499,800,000,000

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN THẾ KỶ

Tầng 1, Tòa B Sky City, Số 88 Láng Hạ, Phường
Láng Hạ, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội,
CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 03a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Bất động sản Ngôi sao Toàn Cầu	86,537,578,097	68,114,482,824
Công ty Cổ phần Bất động sản Cen Sài Gòn	2,112,520,517	2,135,526,303
Công ty Cổ phần Truyền thông và Giải trí Ngôi sao mới	11,020,779,675	14,054,380,711
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thế kỷ	549,536,780	1,076,862,480
Công ty Cổ phần Dịch vụ Golf và Lữ hành Thế kỷ	86,533,901	122,581,901
Công ty Cổ phần Dịch vụ Gia tăng Bất động sản Thế kỷ	398,247,286	6,954,065
Công ty Cổ phần Dolphin 2 Việt Nam		2,005,260,500
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Thế kỷ	314,000,924	314,000,924
	101,019,197,180	87,830,049,708

Chi phí phải trả

Công ty Cổ phần Bất động sản Cen Sài Gòn	1,690,598,020	
	1,690,598,020	-



Trần Thị Nhung
Người lập biểu



Lê Thị Lan
Kế toán trưởng



Chu Hữu Chiến
Tổng Giám đốc
Ngày 18 tháng 04 năm 2020

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này